

**BẢNG MẪU CÁC RUBRIC**  
(Điểm số tối đa 10)

**Rubric 1: đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)**

| Tiêu chí          | Trọng số (%) | Tốt<br>8.5 – 10 điểm                 | Khá<br>6.5 – 8.4 điểm  | Trung bình<br>4.0 – 6.4 điểm | Kém<br>0 – 3.9 điểm        |
|-------------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|------------------------------|----------------------------|
| Thái độ tham dự   | 50           | Luôn chú ý và tham gia các hoạt động | Khá chú ý, có tham gia | Có chú ý, ít tham gia        | Không chú ý/không tham gia |
| Thời gian tham dự | 50           | Ghi cách GV tính điểm *              |                        |                              |                            |

\* Cột điểm này tùy GV qui định.

VD: mỗi buổi học là 5% và không được vắng trên 2 buổi

**Rubric 2. Đánh giá THUYẾT TRÌNH (cá nhân)**

| Tiêu chí                   | Trọng số (%) | Tốt<br>8.5 – 10 điểm  | Khá<br>6.5 – 8.4 điểm  | Trung bình<br>4.0 – 6.4 điểm                                       | Kém<br>0 – 3.9 điểm   |
|----------------------------|--------------|---|--|--|---|
| Nội dung                   | 10           | Phong phú hơn yêu cầu   | Đầy đủ theo yêu cầu  | Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng                        | Thiếu nhiều nội dung quan trọng   |
|                            | 20           | Chính xác, khoa học   | Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ                                     | Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng            | Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng                             |
| Cấu trúc và tính trực quan | 10           | Cấu trúc bài và slides rất hợp lý                                   | Cấu trúc bài và slides khá hợp lý  | Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý                            | Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý  |
|                            | 10           | Rất trực quan và thẩm mỹ  | Khá trực quan và thẩm mỹ   | Tương đối trực quan và thẩm mỹ                                     | Ít/Không trực quan và thẩm mỹ   |
| Kỹ năng trình bày          | 20           | Dẫn dắt vấn đề và lập luận lô cuốn, thuyết phục                     | Trình bày rõ ràng nhưng chưa lô cuốn, lập luận khá thuyết phục                   | Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng    | Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng |
| Tương tác cử chỉ           | 10           | Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt                                    | Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt   | Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt                       | Không tương tác bằng mắt và cử chỉ  |
| Quản lý thời gian          | 10           | Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống | Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống. | Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.        | Quá giờ   |
| Trả lời câu hỏi            | 10           | Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ                    | Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định                             | Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng | Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng                                       |

|  |  |                    |   |   |  |
|--|--|--------------------|---|---|--|
|  |  | ràng, và thỏa đáng | hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được | phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được |  |
|--|--|--------------------|---|---|--|

### Rubric 3. Đánh giá THUYẾT TRÌNH (theo nhóm)

| Tiêu chí                   | Trọng số (%) | Tốt<br>8.5 – 10 điểm   | Khá<br>6.5 – 8.4 điểm  | Trung bình<br>4.0 – 6.4 điểm   | Kém<br>0 – 3.9 điểm   |
|----------------------------|--------------|--|--|--|---|
| Nội dung                   | 10           | Phong phú hơn yêu cầu  | Đầy đủ theo yêu cầu  | Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng  | Thiếu nhiều nội dung quan trọng   |
|                            | 20           | Chính xác, khoa học  | Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ   | Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng  | Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng                             |
| Cấu trúc và tính trực quan | 10           | Cấu trúc bài và slides rất hợp lý  | Cấu trúc bài và slides khá hợp lý  | Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý  | Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý  |
|                            | 10           | Rất trực quan và thẩm mỹ   | Khá trực quan và thẩm mỹ   | Tương đối trực quan và thẩm mỹ   | Ít/Không trực quan và thẩm mỹ   |
| Kỹ năng trình bày          | 10           | Dẫn dắt vấn đề và lập luận lô cuốn, thuyết phục                                | Trình bày rõ ràng nhưng chưa lô cuốn, lập luận khá thuyết phục   | Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng  | Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng |
| Tương tác cử chỉ           | 10           | Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt   | Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt   | Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt   | Không tương tác bằng mắt và cử chỉ  |
| Quản lý thời gian          | 10           | Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống            | Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.                           | Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.  | Quá giờ   |
| Trả lời câu hỏi            | 10           | Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng            | Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được | Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được | Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng                                       |
| Sự phối hợp trong nhóm     | 10           | Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời | Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ                                     | Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời  | Không thể hiện sự kết nối trong nhóm  |

### Rubric 4: Làm việc nhóm

| <b>Tiêu chí</b>              | <b>Trọng số (%)</b> | <b>Tốt<br/>8.5 – 10<br/>điểm</b>           | <b>Khá<br/>6.5 – 8.4<br/>điểm</b>                | <b>Trung bình<br/>4.0 – 6.4<br/>điểm</b>                                | <b>Kém<br/>0 – 3.9 điểm</b>   |
|------------------------------|---------------------|--|--|---|---|
| Thời gian tham gia họp nhóm  | 15                  | Chia đều cho số lần họp nhóm               |  |   |   |
| Thái độ tham gia             | 15                  | Tích cực kết nối các thành viên trong nhóm | Kết nối tốt với thành viên khác                  | Có kết nối nhưng đôi khi còn lơ là, phải nhắc nhở                       | Không kết nối   |
| Ý kiến đóng góp              | 20                  | Sáng tạo/rất hữu ích                       | Hữu ích  | Tương đối hữu ích   | Không hữu ích   |
| Thời gian giao nộp sản phẩm  | 20                  | Đúng hạn                                   | Trễ ít, không gây ảnh hưởng đến chất lượng chung | Trễ nhiều, có gây ảnh hưởng đến chất lượng chung nhưng có thể khắc phục | Không nộp/Trễ gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng chung, không thể khắc phục |
| Chất lượng sản phẩm giao nộp | 30                  | Sáng tạo/Đáp ứng tốt yêu cầu của nhóm      | Đáp ứng khá tốt yêu cầu của nhóm                 | Đáp ứng một phần yêu cầu của nhóm, có điều chỉnh theo góp ý             | Không sử dụng được  |

Cách sử dụng:

- GV giải thích Rubric cho tất cả SV trước khi tổ chức SV làm việc nhóm
- Mỗi SV được nhóm đánh giá bằng 1 phiếu Rubric này, nhóm cùng ký tên và gửi lại cho GV. SV vắng buổi họp đánh giá của nhóm xem như không có ý kiến về kết quả đánh giá.
- GV chấm điểm bài làm của nhóm và căn cứ vào kết quả đánh giá của nhóm về mỗi SV để tính thành điểm riêng của SV.

Điểm cá nhân = điểm bài làm của nhóm x kết quả nhóm đánh giá cá nhân (qui thành %)

#### **Rubric 5: Thảo luận nhóm**

| <b>Tiêu chí</b>   | <b>Trọng số (%)</b> | <b>Tốt<br/>8.5 – 10 điểm</b>              | <b>Khá<br/>6.5 – 8.4 điểm</b> | <b>Trung bình<br/>4.0 – 6.4 điểm</b>      | <b>Kém<br/>0 – 3.9 điểm</b>  |
|-------------------|---------------------|---|-------------------------------|---|------------------------------|
| Thái độ tham gia  | 30                  | Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận | Tham gia thảo luận            | Ít tham gia thảo luận                     | Không tham gia               |
| Kỹ năng thảo luận | 40                  | Phân tích, đánh giá tốt                   | Phân tích, đánh giá khá tốt   | Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt | Phân tích, đánh giá chưa tốt |
| Chất lượng        | 40                  | Sáng tạo, phù hợp                         | Phù hợp                       | Có khi phù hợp,                           | Không phù                    |

|                 |  |  |  |                     |     |
|-----------------|--|--|--|---------------------|-----|
| đóng góp ý kiến |  |  |  | có khi chưa phù hợp | hợp |
|-----------------|--|--|--|---------------------|-----|

### Cách sử dụng:

- GV có thể sử dụng Rubric này để đánh giá SV khi đến tham dự một nhóm thảo luận hoặc để SV đánh giá lẫn nhau khi họ thảo luận nhóm.
- Trước khi sử dụng, GV phải giải thích trước cho SV

### Rubric 6: Field trip

| Tiêu chí                                | Trọng số % | Tốt<br>8.5 – 10 điểm  | Khá<br>6.5 – 8.4 điểm  | Trung bình<br>4.0 – 6.4 điểm   | Kém<br>0 – 3.9 điểm   |
|---|------------|---|--|--|---|
| Thái độ tham dự                         | 10         | Rất chú ý nghe hướng dẫn qui trình và qui định, tuân thủ nghiêm túc | chú ý nghe hướng dẫn qui trình và qui định, tuân thủ khá nghiêm túc                            | chú ý nghe hướng dẫn qui trình và qui định, tuân thủ tương đối nghiêm túc, còn sai sót và có điều chỉnh          | Không chú ý nghe hướng dẫn/sai không điều chỉnh   |
|   | 30         | Tích cực nêu câu hỏi và tham gia thảo luận                          | Thường xuyên đóng góp  | Ít đóng góp  | Không tham gia thảo luận  |
| Phương pháp thu thập thông tin, số liệu | 20         | Phương pháp thu thập thông tin, số liệu hoàn toàn phù hợp           | Phương pháp thu thập thông tin, số liệu khá phù hợp, còn sai sót nhỏ trong PP và có điều chỉnh | Phương pháp thu thập thông tin, số liệu tương đối phù hợp, còn sai sót quan trọng nhưng có điều chỉnh theo góp ý | Phương pháp thu thập thông tin, số liệu không phù hợp, sai sót quan trọng nhưng không điều chỉnh theo góp ý |
| Kết quả đi thực tế                      | 20         | thông tin, số liệu thu thập hoàn toàn phù hợp, chính xác            | thông tin, số liệu thu thập khá phù hợp  | thông tin, số liệu có phần đúng, có phần chưa đúng   | thông tin, số liệu không phù hợp, thiếu chính xác   |
|   | 20         | Các bài học rút ra có ý nghĩa sâu sắc                               | Các bài học rút ra có ý nghĩa  | Các bài học rút ra tương đối có ý nghĩa  | Các bài học rút ra không có ý nghĩa/không phù hợp   |

### Rubric 7: Đánh giá bài tập thực hành

| Tiêu chí          | Trọng số (%) | Tốt<br>8.5 – 10 điểm                                      | Khá<br>6.5 – 8.4 điểm  | Trung bình<br>4.0 – 6.4 điểm   | Kém<br>0 – 3.9 điểm                                  |
|-------------------|--------------|---|--|--|--|
| Thái độ tham dự   | 20           | Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ                  | Có tham gia thảo luận và chia sẻ   | Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ   | Không tham gia thảo luận và chia sẻ                  |
| Kết quả thực hành | 40           | Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu | Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ | Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng | Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu |
|                   | 30           | Giải thích và chứng                                       | Giải thích và  | Giải thích và chứng  | Giải thích và  |

|                   |    |                         |                              |                        |                          |
|-------------------|----|-------------------------|------------------------------|------------------------|--------------------------|
|                   |    | minh rõ ràng            | chứng minh khá rõ ràng       | minh tương đối rõ ràng | chứng minh không rõ ràng |
| Báo cáo thực hành | 10 | Đúng format và đúng hạn | Điểm tùy theo mức độ đáp ứng |                        |                          |

**Rubric 8: Đánh giá báo cáo chuyên đề SEMINAR (bài làm theo nhóm)**

| Tiêu chí                 | Trọng số (%) | Mức chất lượng   |  |   |   |
|--------------------------|--------------|--|--|---|---|
|                          |              | Tốt<br>8.5 – 10 điểm   | Khá<br>6.5 – 8.4 điểm  | Trung bình<br>4.0 – 6.4 điểm  | Kém<br>0 – 3.9 điểm   |
| Nội dung                 | 40           | Phong phú hơn yêu cầu  | Đầy đủ theo yêu cầu  | Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng   | Thiếu nhiều nội dung quan trọng                                   |
| Trình bày báo cáo        | 10           | Mạch lạc, rõ ràng  | Khá mạch lạc, rõ ràng  | Tương đối rõ ràng   | Thiếu rõ ràng   |
|                          | 10           | Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc                                 | Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ   | Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng | Lập luận không có căn cứ khoa học và logic                        |
| Tương tác với người nghe | 10           | Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt   | Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt   | Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ   | Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác |
|                          | 10           | Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng                         | Trả lời đúng đa số các câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được | Trả lời đúng đa số các câu hỏi đặt đúng, phần chưa nêu được định hướng phù hợp                        | Trả lời sai đa số các câu hỏi đặt đúng                            |
| * Sự phối hợp trong nhóm | 20           | Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời | Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ   | Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời   | Không thể hiện sự kết nối trong nhóm                              |

\* Nếu là bài thuyết trình cá nhân, GV phân bổ lại điểm của tiêu chí này cho các Tiêu chí khác.

**Rubric 9. Đánh giá TIỂU LUẬN/Báo cáo thu hoạch**

| Tiêu chí |                    | Trọng số % | Tốt<br>8.5 – 10 điểm                        | Khá<br>6.5 – 8.4 điểm                           | Trung bình<br>4.0 – 6.4 điểm                          | Kém<br>0 – 3.9 điểm                              |
|----------|--------------------|------------|---|---|---|--|
| Cấu trúc |                    | 05         | Cân đối, hợp lý                             | Khá cân đối, hợp lý                             | Tương đối cân đối, hợp lý                             | Không cân đối, thiếu hợp lý                      |
| Nội dung | Nêu vấn đề         | 10         | Phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề | Phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề | Phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề | Phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề |
|          | Nền tảng lý thuyết | 10         | Trình bày quan điểm lý thuyết phù hợp       | Trình bày quan điểm lý thuyết khá phù hợp       | Trình bày quan điểm lý thuyết tương đối phù           | Trình bày chưa rõ quan điểm lý thuyết phù hợp    |

|  |                         |    |  |  |   |  |
|--|-------------------------|----|--|--|---|--|
|  |                         |    |  |  | hợp   |  |
|  | Các nội dung thành phần | 40 | Ghi thang điểm cụ thể cho từng phần nội dung |  |   |  |
|  | Lập luận                | 10 | Hoàn toàn chặt chẽ, logic                    | Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng | Tương đối chặt chẽ, logic; có phần chưa đảm bảo gây ảnh hưởng | Không chặt chẽ, logic                              |
| Kết luận   |                         | 15 | Phù hợp và đầy đủ                            | Khá phù hợp và đầy đủ                                    | Tương đối phù hợp và đầy đủ                                   | Không phù hợp và đầy đủ                            |
| Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, fomat...) | Format                  | 05 | Nhất quán về format trong toàn bài           | Vài sai sót nhỏ về format                                | Vài chỗ không nhất quán                                       | Rất nhiều chỗ không nhất quán                      |
|  | Lỗi chính tả            | 05 | Không có lỗi chính tả                        | Một vài lỗi nhỏ  | Lỗi chính tả khá nhiều  | Lỗi rất nhiều và do sai chính tả và typing câu thả |

#### Rubric 10: Đánh giá PROJECT

| Tiêu chí                    |                        | Trọng số % | Tốt<br>8.5 – 10 điểm   | Khá<br>6.5 – 8.4 điểm   | Trung bình<br>4.0 – 6.4 điểm  | Kém<br>0 – 3.9 điểm                                      |
|-----------------------------|------------------------|------------|--|---|---|--|
| Thái độ tham gia            | Nêu ý tưởng            | 05         | Tích cực tìm kiếm và chủ động đưa ra ý tưởng mang tính mới                   | Tìm kiếm và đưa ra được ý tưởng khá tốt   | Chọn ý tưởng trong số được đề nghị  | Không quan tâm lựa chọn ý tưởng                          |
|                             | Lập kế hoạch thực hiện | 05         | Hoàn toàn hợp lý, không cần điều chỉnh                                       | Khá hợp lý, điều chỉnh chút ít theo góp ý   | Chưa hợp lý, có điều chỉnh theo góp ý   | Không hợp lý và không điều chỉnh theo góp ý              |
| Quá trình thực hiện project | Giai đoạn chuẩn bị     | 10         | Chuẩn bị tốt mọi điều kiện cho việc thực hiện project, có thể khởi động ngay | Chuẩn bị được đa số điều kiện cho việc thực hiện, có thể khởi động và bổ sung sau | Chuẩn bị được một số điều kiện cho việc thực hiện nhưng cần bổ sung thêm mới có thể khởi động | Không chuẩn bị được điều kiện nào                        |
|                             | Giai đoạn thực hiện    | 10         | Thực hiện hoàn toàn đúng phương pháp   | Thực hiện khá đúng phương pháp, sai sót nhỏ và có sửa chữa                        | Thực hiện tương đối đúng phương pháp, sai sót quan trọng và có sửa chữa                       | Thực hiện không đúng phương pháp, sai sót không sửa chữa |
|                             |                        | 10         | Triển khai đúng kế hoạch   | Triển khai khá đúng kế hoạch,   | Triển khai tương đối đúng   | Triển khai chậm trễ, gây                                 |

|                 |  |    |  |   |  |                                      |
|-----------------|--|----|--|---|--|--------------------------------------|
|                 |  |    |  | có chậm trễ<br>nhưng không<br>gây ảnh hưởng | kế hoạch, có<br>chậm trễ gây<br>ảnh hưởng<br>nhưng khắc<br>phục được | ảnh hưởng<br>không khắc<br>phục được |
|                 | Mức độ<br>đạt được<br>mục tiêu<br>thành phần | 20 | Ghi thang điểm cụ thể cho từng mục tiêu thành phần (ở mỗi giai đoạn của project)   |   |  |                                      |
| Báo cáo kết quả | Nội dung báo cáo                             | 10 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tiến trình thực hiện</li> <li>- Thuyết minh sản phẩm</li> <li>- Bài học rút ra</li> </ul> |   |  |                                      |
|                 | Trình bày báo cáo                            | 10 | Sử dụng Rubric đánh giá thuyết trình   |   |  |                                      |
|                 | Sản phẩm                                     | 20 | Các tiêu chí chấm điểm sản phẩm và thang điểm chi tiết   |   |  |                                      |

### Rubric 11: Đánh giá MINITEST NGHE HIỂU

| Tiêu chí            | Trọng số % | Tốt<br>8.5 – 10<br>điểm                              | Khá<br>6.5 – 8.4 điểm  | Trung bình<br>4.0 – 6.4<br>điểm                                  | Kém<br>0 – 3.9<br>điểm |
|---------------------|------------|--|--|--|------------------------|
| Thái độ tham gia    |            | Nghiêm túc, (100% điểm bài làm)                      | Có trao đổi nhưng đã điều chỉnh khi được nhắc: trừ 25 % điểm bài làm | Bị nhắc nhở hơn 1 lần hay bị phát hiện quay cốp: không tính điểm |                        |
| Chất lượng bài nghe | 100        | Theo thang điểm chi tiết cho từng nội dung (câu hỏi) |  |  |                        |

### Rubric 12: Đánh giá giữa kì

Thầy cô bổ sung nội dung cho bảng rubric đánh giá giữa kì

Thi giữa kì: dạng bài thi (1) trắc nghiệm, (2) tự luận hay (3) trắc nghiệm và tự luận hoặc hình thức khác các thầy cô nêu rõ – vd làm đồ án, thuyết trình. Nếu sử dụng hình thức thi giữa kì khác, các thầy cô cần bổ sung thêm rubric tương ứng, vd rubric đánh giá thuyết trình, rubric đánh giá đồ án....

| Nội dung kiểm tra | Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi | KQHTMD của môn học được đánh giá qua câu hỏi |
|-------------------|--|--|
|                   | VD Chỉ báo 1, chỉ báo 2, ...                             | VD: K1, K3                                   |
|                   |  |  |
|                   |  |  |
|                   |  |  |
|                   |  |  |

### Rubric 13: Đánh giá cuối kì

Thầy cô bổ sung nội dung cho bảng rubric đánh giá giữa kì

Thi giữa kì: dạng bài thi (1) trắc nghiệm, (2) tự luận hay (3) trắc nghiệm và tự luận hoặc hình thức khác các thầy cô nêu rõ – vd làm đồ án, thuyết trình. Nếu sử dụng hình thức thi giữa kì khác, các thầy cô cần bổ sung thêm rubric tương ứng, vd rubric đánh giá thuyết trình, rubric đánh giá đồ án....

| Nội dung kiểm tra | Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi | KQHTMD của môn học được đánh giá qua câu hỏi |
|-------------------|--|--|
|                   | VD Chỉ báo 1, chỉ báo 2, ...                             | VD: K1, K3                                   |
|                   |  |  |
|                   |  |  |
|                   |  |  |

MẪU RUBRIC CHẤM ĐIỂM BÀI TẬP TRÊN LỚP

Rubric....: Đánh giá bài tập (khoa học tự nhiên)

| Tiêu chí           | Trọng số % | Tốt<br>8.5 – 10 điểm                  | Khá<br>6.5 – 8.4 điểm                                   | Trung bình<br>4.0 – 6.4 điểm   | Kém<br>0 – 3.9 điểm  |
|--------------------|------------|---------------------------------------|---|--|--|
| Phương pháp giải   | 30         | Cách giải sáng tạo/nhiều cách         | Đúng phương pháp  | Đúng phương pháp nhưng chưa đến kết quả  | Sai phương pháp (0 đ)  |
| Lập luận           | 40         | Lập luận có căn cứ khoa học vững chắc | Lập luận có căn cứ khoa học nhưng còn 1 vài sai sót nhỏ | Lập luận có căn cứ khoa học nhưng còn sai sót quan trọng (tùy mức độ: 2.0-1.0 đ) | Phạm hơn 1 sai sót quan trọng/Không biết lập luận khoa học (0 đ) |
| Kết quả            | 15         | Kết quả đúng                          | Kết quả có sai sót, ít ảnh hưởng                        | Kết quả sai sót ảnh hưởng nhiều (tùy mức độ: 1.0-0.5 đ)                          | Sai kết quả hoàn toàn do sai phương pháp (0đ)                    |
| Trình bày bài giải | 15         | Cẩn thận, rõ ràng                     | Khá cẩn thận, vài chỗ chưa rõ ràng                      | Tương đối cẩn thận, nhiều chỗ chưa rõ ràng                                       | Cẩu thả và chưa rõ ràng (0đ)                                     |

Rubric....: Đánh giá bài tập (Toán)

| Tiêu chí         | Trọng số % | Tốt<br>8.5 – 10 điểm               | Khá<br>6.5 – 8.4 điểm                        | Trung bình<br>4.0 – 6.4 điểm                                     | Kém<br>0 – 3.9 điểm                   |
|------------------|------------|------------------------------------|--|--|---------------------------------------|
| Phương pháp giải | 30         | Cách giải sáng tạo/nhiều cách      | Đúng phương pháp                             | Đúng phương pháp nhưng chưa đến kết quả                          | Sai phương pháp                       |
| Lập luận         | 40         | Suy luận logic và căn cứ vững chắc | Suy luận logic và có căn cứ, còn sai sót nhỏ | Suy luận logic và có căn cứ, còn sai sót khá quan trọng (tùy mức | Suy luận thiếu logic, không có căn cứ |



|                    |    |                   |                                    |   |  |
|--------------------|----|-------------------|------------------------------------|---|--|
|                    |    |                   |                                    | độ: 2.0-1.0 đ)  |  |
| Kết quả            | 15 | Kết quả đúng      | Kết quả có sai sót, ít ảnh hưởng   | Kết quả sai sót ảnh hưởng nhiều (tùy mức độ: 1.0-0.5 đ) | Sai kết quả hoàn toàn do sai phương pháp |
| Trình bày bài giải | 15 | Cẩn thận, rõ ràng | Khá cẩn thận, vài chỗ chưa rõ ràng | Tương đối cẩn thận, nhiều chỗ chưa rõ ràng              | Cẩu thả và chưa rõ ràng                  |